

**CÔNG TY TNHH DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI VY LINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI VY LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VY LINH TOURISM AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VY LINH TOURISM AND TRADING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109624380

**3. Ngày thành lập:** 07/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đội 6, thôn Yên Nội, Xã Đồng Quang, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962925382

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng cây hàng năm khác<br>Chi tiết:<br>Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm: Trồng cây để làm thuốc và sản xuất hương liệu cung cấp cho công nghiệp dược phẩm hoặc làm thuốc chữa bệnh không qua chế biến (thuốc nam, thuốc bắc) như: Cây atiso, ngải, cây bạc hà, cà gai leo, cây xạ đen, ý dĩ,... và sản xuất hương liệu.<br>( Trừ các loại cây chứa chất gây nghiện nhà nước cấm); | 0119     |
| 2.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0150     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0161     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0162     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0163     |
| 6.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0164     |
| 7.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1010     |
| 8.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1020     |
| 9.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1030     |
| 10. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1075     |
| 11. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1079     |
| 12. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4631     |
| 13. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632     |
| 14. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4633     |
| 15. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4634     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa<br>( Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610 |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hạt, quả có dầu; Bán buôn hoa và cây;<br>Bán buôn thuốc lá lá;<br>Bán buôn động vật sống: các loại gia súc, gia cầm sống, kể cả loại dùng để nhân giống (bao gồm cả giống thủy sản).<br>Bán buôn da sống và bì sống;<br>Bán buôn da thuộc;<br>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật.<br>(Trừ động vật hoang dã)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4620 |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649 |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4653 |
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>( Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690 |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;<br>Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt...; Bán buôn bột giấy; Bán buôn đá quý;<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.<br>( Trừ các loại hàng hóa nhà nước cấm kinh doanh) | 4669 |
| 22. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4711 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4719        |
| 24. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến;<br>Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng;<br>Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến;<br>Hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến;<br>Bánh, mứt, kẹo, các sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột; cháo ăn liền, mỳ nui, mỳ spaghetti, bánh đa nem...<br>Thực phẩm khác. | 4721        |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                              | 4759        |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4932(Chính) |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết<br>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển,<br>Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu;<br>( Trừ hoạt động dịch vụ vận tải hàng không)                                                                                                                                                                                        | 5229        |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự;                                                                                                                                                                                | 5510        |
| 30. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú tạm thời hoặc dài hạn là các phòng đơn, phòng ở chung hoặc nhà ở tập thể như ký túc xá sinh viên, nhà ở tập thể của các trường đại học; nhà trọ, nhà tập thể công nhân cho học sinh, sinh viên, người lao động nước ngoài và các đối tượng khác, chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều trại du lịch.                                                  | 5590        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | <p>Dịch vụ ăn uống khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt, trường học...;</p> <p>Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;</p> <p>Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.</p> <p>Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các trường học, nhà máy, xí nghiệp</p> | 5629 |
| 32. | <p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Nhà hàng, quán ăn; Quán ăn tự phục vụ; Quán ăn nhanh; Cửa hàng bán đồ ăn mang về; Xe thùng bán kem; Xe bán hàng ăn lưu động; Hàng ăn uống trên phố, trong chợ.</p> <p>Hoạt động nhà hàng, quán bar trên tàu, thuyền, phương tiện vận tải nếu hoạt động này không do đơn vị vận tải thực hiện mà được làm bởi đơn vị khác.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5610 |
| 33. | <p>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác....</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5621 |
| 34. | <p>Dịch vụ phục vụ đồ uống</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ (trong đó cung cấp dịch vụ đồ uống là chủ yếu); hàng bia, quán bia; quán cafe, nước hoa quả, giải khát; dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống...</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5630 |
| 35. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7721 |
| 36. | <p>Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp và nghiệp dư, giúp cho các hội viên của câu lạc bộ có cơ hội tham gia vào các hoạt động thể thao (Câu lạc bộ bóng đá; Câu lạc bộ bowling; Câu lạc bộ bơi lội; Câu lạc bộ đấm bốc; Câu lạc bộ đấu vật, phát triển thể chất; Câu lạc bộ chơi cờ; Câu lạc bộ đường đua; Câu lạc bộ bắn súng....)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9312 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | <p>Hoạt động thể thao khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở;</p> <p>Hoạt động của các vận động viên và những người chơi thể thao bằng tài khoản sở hữu cá nhân, trọng tài, người bấm giờ v.v...;</p> <p>Hoạt động của các liên đoàn thể thao và các ban điều lệ;</p> <p>Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao;</p> <p>Hoạt động của các chuồng nuôi ngựa đua, các chuồng nuôi chó và các gara ô tô; Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao;</p> <p>Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí.</p> | 9319 |
| 38. | <p>Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề bao gồm các hoạt động đa dạng và hấp dẫn như lái máy móc, đi trên nước, các trò chơi, các buổi biểu diễn, triển lãm theo chủ đề và các khu vui chơi dã ngoại.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9321 |
| 39. | <p>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);</p> <p>Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền;</p> <p>Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Hoạt động của các sàn nhảy;</p> <p>Hoạt động của các phòng hát karaoke.</p>           | 9329 |
| 40. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230 |
| 41. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa</p> <p>Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ HOÀNG SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001065015321

Ngày cấp: 14/03/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 6, thôn Yên Nội, Xã Đồng Quang, Huyện Quốc Oai, Thành phố  
Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 6, thôn Yên Nội, Xã Đồng Quang, Huyện Quốc Oai, Thành phố  
Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội